

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 07/08/2012. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2012 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38300312- 38358423
- Fax: (08) 38351488- 38390727

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 57 người. Trong đó nhân viên quản lý là 7 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Vũ Bá Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Phạm Văn Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010

Ban Kiểm soát

• Bà Dương Văn Nhung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Trần Lê Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Vũ Bá Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2012
• Ông Phạm Văn Hồng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/04/2010
		Miễn nhiệm ngày 01/07/2012
• Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/04/2010
• Bà Nguyễn Mai Hoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06/04/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 

Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính:
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dong.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đại)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 318/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02/03/2013 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 27. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Khắc Minh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1321 /KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.728.812.708	55.371.593.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	28.174.205.431	21.859.982.277
1. Tiền	111		11.441.680.523	6.859.982.277
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.732.524.908	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		540.000.000	540.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	540.000.000	540.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.955.103.811	12.910.258.766
1. Phải thu khách hàng	131		5.142.520.638	8.616.280.916
2. Trả trước cho người bán	132		345.316.947	13.065.437
3. Các khoản phải thu khác	135	8	9.249.151.243	4.280.912.413
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(781.885.017)	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.700.832.997	19.666.027.143
1. Hàng tồn kho	141	9	16.720.869.854	20.044.827.114
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.036.857)	(378.799.971)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		358.670.469	395.325.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	73.633.129	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		274.375.743	373.242.650
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	10.661.597	22.082.726
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.129.998.616	4.336.228.503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.567.653.868	1.964.747.384
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.567.653.868	1.949.423.764
- Nguyên giá	222		2.938.260.825	2.627.910.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.370.606.957)	(678.486.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	15.323.620
- Nguyên giá	228		34.000.000	34.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.000.000)	(18.676.380)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.229.000.000	1.229.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	1.229.000.000	1.229.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		333.344.748	1.142.481.119
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	333.344.748	1.142.481.119
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.858.811.324	59.707.822.065

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 27 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.945.787.823	11.194.238.282
I. Nợ ngắn hạn	310		14.945.787.823	11.090.303.182
1. Phải trả người bán	312		9.172.647.716	3.775.199.113
2. Người mua trả tiền trước	313		458.853.024	2.069.897.986
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.345.685.517	2.405.335.954
4. Phải trả người lao động	315		7.484.223	102.460.383
5. Chi phí phải trả	316	17	372.482.495	12.706.539
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	3.318.938.276	2.366.829.528
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		269.696.572	357.873.679
II. Nợ dài hạn	330		-	103.935.100
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	103.935.100
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.913.023.501	48.513.583.783
I. Vốn chủ sở hữu	410		47.913.023.501	48.513.583.783
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	44.050.000.000	44.050.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	2.605.706.892	2.427.243.879
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	1.022.514.764	844.051.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	234.801.845	1.192.288.153
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.858.811.324	59.707.822.065


Tổng Giám đốc
Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng


Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Mai Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	20	287.030.605.701	249.815.541.082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	2.280.414.782	794.532.762
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	20	284.750.190.919	249.021.008.320
4. Giá vốn hàng bán	11	21	259.961.460.702	234.879.489.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		24.788.730.217	14.141.518.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.340.739.570	12.749.606.449
7. Chi phí tài chính	22	23	935.813.104	657.218.201
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		10.132.038.060	9.073.994.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.241.273.734	8.923.513.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.820.344.889	8.236.399.154
11. Thu nhập khác	31	24	266.575.580	165.443.939
12. Chi phí khác	32		319.871	-
13. Lợi nhuận khác	40		266.255.709	165.443.939
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	8.086.600.598	8.401.843.093
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.137.833.483	2.178.706.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	5.948.767.115	6.223.136.926
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.350	1.445



Tổng Giám đốc

Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Mai Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	293.922.838.635	251.949.339.803
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(262.306.890.505)	(249.073.885.960)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.441.354.551)	(6.799.026.499)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.672.041.083)	(1.259.318.516)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.857.725	1.921.412.071
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.031.995.874)	(9.568.425.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.491.414.347	(12.829.904.649)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(310.350.364)	(1.085.559.732)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	33.360.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.500.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.439.909.171	713.330.828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.370.441.193)	32.987.771.096
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.806.750.000)	(5.000.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.806.750.000)	(5.000.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.314.223.154	15.156.876.447
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.859.982.277	6.703.105.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	28.174.205.431	21.859.982.277



Tổng Giám đốc

Vũ Bá Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Mai Hoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 07/08/2012. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	2
Phương tiện vận tải	2 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.11 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bỏ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.12 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được điều chỉnh hồi tố cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/11 VND	Số liệu tại ngày 31/12/11 (đ. chỉnh hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(594.743.570)	(378.799.971)	215.943.599	(1)
2. Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh	252	-	1.229.000.000	1.229.000.000	(2)
3. Đầu tư dài hạn khác	258	1.229.000.000	-	(1.229.000.000)	(2)
4. Thuế và các khoản p.nộp Nhà nước	314	2.351.350.054	2.405.335.954	53.985.900	(3)
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	333.580.025	357.873.679	24.293.654	(3)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	2.419.145.994	2.427.243.879	8.097.885	(3)
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	835.953.866	844.051.751	8.097.885	(3)
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1.070.819.878	1.192.288.153	121.468.275	(3)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2011 VND	Số liệu năm 2011 (đ. chỉnh hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
1. Giá vốn hàng bán	11	235.095.433.088	234.879.489.489	(215.943.599)	(1)
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.185.899.494	8.401.843.093	215.943.599	(3)
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.124.720.267	2.178.706.167	53.985.900	(3)
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	6.061.179.227	6.223.136.926	161.957.699	(3)
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.407	1.445	38	(3)

(1) Điều chỉnh giảm khoản mục "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho" đồng thời giảm "Giá vốn hàng bán", số tiền: 215.943.599 đồng theo kết luận theo Biên bản thanh tra thuế số 32/BB-CT-TTr2-Đ2 ngày 05/03/2012.

(2) Trình bày lại khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Sách- TBTH Bà Rịa Vũng Tàu do xác định số vốn góp của Công ty chiếm 35% vốn thực góp trong Công ty nhận đầu tư này.

(3) Sự điều chỉnh (1) làm các khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước", "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế", "Chi phí thuế TNDN hiện hành", "Lợi nhuận sau thuế TNDN" và "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thay đổi tương ứng. Theo đó, Công ty cũng tiến hành phân phối lại "Quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

khen thưởng, phúc lợi", "Quỹ đầu tư phát triển", "Quỹ dự phòng tài chính" theo tỷ lệ tương ứng đã được Đại hội cổ đông ngày 20/4/2012 thông qua. Tổng hợp các điều chỉnh làm khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tăng 121.468.275 đồng.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	99.500.867	82.968.384
Tiền gửi ngân hàng	11.342.179.656	6.777.013.893
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	16.732.524.908	15.000.000.000
Cộng	28.174.205.431	21.859.982.277

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho vay ngắn hạn	540.000.000	540.000.000
- Ông Vũ Bá Hòa	500.000.000	500.000.000
- Ông Đỗ Thành Lâm	40.000.000	40.000.000
Cộng	540.000.000	540.000.000

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu cán bộ CNV về thuế TNCN	616.052.404	448.970.588
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh (Vốn góp vào Dự án 104 Mai Thị Lựu) (@)	8.049.000.000	3.549.000.000
Công ty CP Xây dựng Trang trí Nội thất Vương	-	46.186
Lãi dự thu	-	93.333.333
Phải thu khác	584.098.839	189.562.306
Cộng	9.249.151.243	4.280.912.413

(@) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng góp vốn số 02/2010/HĐGV ngày 20/12/2010. Tổng số vốn góp dự kiến là 40 tỷ đồng trong đó NXB Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh góp vốn bằng quyền sử dụng đất, Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam góp 34% tổng số vốn. Các bên góp vốn lần 1 trước ngày 31/12/2010, các đợt còn lại góp vốn theo tiến độ đề xuất của Ban Quản lý dự án được Chủ tịch Hội đồng đầu tư phê duyệt. Công trình đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	47.880.887	27.498.195
Nguyên liệu, vật liệu	139.055.178	107.718.227
Chi phí SX, KD dở dang	-	237.600.000
Thành phẩm	5.401.588.480	1.816.393.595
Hàng hóa	11.119.348.997	17.819.521.798
Hàng gửi đi bán	12.996.312	36.095.299
Cộng	16.720.869.854	20.044.827.114

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	19.796.340	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	53.836.789	-
Cộng	73.633.129	-

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	10.661.597	22.082.726
Cộng	10.661.597	22.082.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm		2.124.700.182	503.210.279	2.627.910.461
Mua sắm trong năm	241.064.000	-	69.286.364	310.350.364
Phân loại lại	10.800.000	-	(10.800.000)	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	251.864.000	2.124.700.182	561.696.643	2.938.260.825
Khấu hao				
Số đầu năm		519.459.100	159.027.597	678.486.697
Khấu hao trong năm	33.733.000	488.452.774	169.934.486	692.120.260
Phân loại lại	2.400.000	-	(2.400.000)	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	36.133.000	1.007.911.874	326.562.083	1.370.606.957
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	1.605.241.082	344.182.682	1.949.423.764
Số cuối năm	215.731.000	1.116.788.308	235.134.560	1.567.653.868

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 424.000.000 đồng.

Không có Tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại 31/12/2012.

13. Tài sản cố định vô hình

	Trang web công ty VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	34.000.000	34.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	34.000.000	34.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	18.676.380	18.676.380
Khấu hao trong năm	15.323.620	15.323.620
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	34.000.000	34.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	15.323.620	15.323.620
Số cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Đầu tư cổ phiếu		1.229.000.000		1.229.000.000
- Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa Vũng Tàu	12.290	1.229.000.000	12.290	1.229.000.000
Cộng		1.229.000.000		1.229.000.000

Hiện nay, Công ty vốn đầu tư của Công ty chiếm 35% vốn thực góp của Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu. Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty nhận đầu tư cổ lãi, vốn chủ sở hữu được báo toàn. Do Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	160.363.462	780.811.833
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	172.981.286	361.669.286
Cộng	333.344.748	1.142.481.119

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	644.498.567	2.178.706.167
Thuế thu nhập cá nhân	701.186.950	226.629.787
Cộng	1.345.685.517	2.405.335.954

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	12.706.539
Chi phí hội chợ tại Nga	147.000.000	-
Chi phí thuê nhà phải trả Nhà xuất bản	220.698.095	-
Chi phí phải trả khác	4.784.400	-
Cộng	372.482.495	12.706.539

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	29.441.312	-
Kinh phí công đoàn	145.608.884	76.095.604
Bảo hiểm xã hội	-	35.362.895
Công ty TNHH Lưu Nguyễn Tâm	20.000.000	20.000.000
Cổ tức phải trả	3.060.000.000	2.150.250.000
Phải trả khác	63.888.080	85.121.029
Cộng	3.318.938.276	2.366.829.528

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	43.050.000.000	2.100.594.447	525.148.612	2.085.959.339
Tăng trong năm	1.000.000.000	326.649.432	318.903.139	6.223.136.926
- Tăng do sáp nhập	1.000.000.000	15.492.586	7.746.293	-
- Tăng từ lợi nhuận	-	311.156.846	311.156.846	6.223.136.926
Giảm trong năm	-	-	-	7.116.808.112
- Giảm do sáp nhập	-	-	-	394.966.882
- Giảm lợi nhuận	-	-	-	6.721.841.230
Số dư tại 31/12/2011	44.050.000.000	2.427.243.879	844.051.751	1.192.288.153
Số dư tại 01/01/2012	44.050.000.000	2.427.243.879	844.051.751	1.192.288.153
Tăng trong năm	-	178.463.013	178.463.013	5.948.767.115
Giảm trong năm	-	-	-	6.906.253.423
Số dư tại 31/12/2012	44.050.000.000	2.605.706.892	1.022.514.764	234.801.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	20.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.650.000.000	23.650.000.000
Cộng	44.050.000.000	44.050.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu thường	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu thường	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.192.288.153	2.085.959.339
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.948.767.115	6.223.136.926
Giảm lợi nhuận do sáp nhập Trí Đức	-	394.966.882
Bổ sung 1% cổ tức của năm 2011	430.500.000	-
Phân phối lợi nhuận sau thuế (*)	6.475.753.423	6.721.841.230
- Quỹ đầu tư phát triển	178.463.013	311.156.846
- Quỹ dự phòng tài chính	178.463.013	311.156.846
- Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng Ban điều hành	832.827.397	933.470.539
- Trả cổ tức cho các cổ đông	5.286.000.000	5.166.057.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	234.801.845	1.192.288.153

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm 2012 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 30/11/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 154/NQ-DHCD ngày 20/4/2012 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2011 là 13%. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng trong năm 2011 là 5.166.057.000 đồng, Công ty đã trả phần cổ tức còn lại (430.500.000 đồng) trong năm 2012.

Trong năm 2012, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ là 12%/năm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ – HDQT ngày 30 tháng 11 năm 2012.

20. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	287.030.605.701	249.815.541.082
+ Doanh thu Sách giáo khoa	256.610.726.823	230.675.641.691
+ Doanh thu Sách tham khảo	12.469.684.890	9.949.472.464
+ Doanh thu khác	17.950.193.988	9.190.426.927
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.280.414.782	794.532.762
+ Hàng bán bị trả lại	2.280.414.782	794.532.762
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.750.190.919	249.021.008.320

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn Sách giáo khoa	233.441.639.846	220.613.762.397
Giá vốn Sách tham khảo	11.125.397.036	6.462.643.484
Giá vốn hoạt động khác	15.753.186.934	8.072.570.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(358.763.114)	(269.486.605)
Cộng	259.961.460.702	234.879.489.489

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.346.575.838	648.345.733
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	158.318.428
Chiết khấu thanh toán nhanh được hưởng	4.994.163.732	11.942.942.288
Cộng	7.340.739.570	12.749.606.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	935.813.104	657.218.201
Cộng	935.813.104	657.218.201

24. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ gia công cắt rọc	-	138.863.030
Thu nhập từ vận chuyển hàng hóa	-	26.080.909
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	500.000
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa	142.740.480	-
Thu nhập từ cho thuê gian hàng	21.650.000	-
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	99.660.100	-
Thu nhập khác	2.525.000	-
Cộng	266.575.580	165.443.939

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.086.600.598	8.401.843.093
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	464.733.332	312.981.572
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	464.733.332	471.300.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	-	158.318.428
Tổng thu nhập chịu thuế	8.551.333.930	8.714.824.665
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.137.833.483	2.178.706.167
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.948.767.115	6.223.136.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.948.767.115	6.223.136.926
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.948.767.115	6.223.136.926
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.405.000	4.306.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.350	1.445

27. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	598.923.577	1.776.540.291
Chi phí nhân công	8.760.483.982	8.644.295.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	707.443.880	550.396.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.747.732.425	7.451.432.426
Chi phí khác bằng tiền	4.558.962.643	3.765.340.750
Cộng	23.373.546.507	22.188.006.076

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

29. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do không có các giao dịch vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, trong năm, Công ty không có phát sinh các khoản vay nào. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.172.647.716	-	9.172.647.716
Chi phí phải trả	372.482.495	-	372.482.495
Phải trả khác	3.143.888.080	-	3.143.888.080
Cộng	12.689.018.291	-	12.689.018.291
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.775.199.113	-	3.775.199.113
Chi phí phải trả	12.706.539	-	12.706.539
Phải trả khác	2.255.371.029	-	2.255.371.029
Cộng	6.043.276.681	-	6.043.276.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.174.205.431	-	28.174.205.431
Phải thu khách hàng	4.360.635.621	-	4.360.635.621
Đầu tư tài chính	540.000.000	-	540.000.000
Phải thu khác	9.249.151.243	-	9.249.151.243
Cộng	42.323.992.295		42.323.992.295
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.859.982.277	-	21.859.982.277
Phải thu khách hàng	8.616.280.916	-	8.616.280.916
Đầu tư tài chính	540.000.000	-	540.000.000
Phải thu khác	4.280.912.413	-	4.280.912.413
Cộng	35.297.175.606		35.297.175.606

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu EMCO	Chung công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Chung công ty đầu tư
Ông Vũ Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng			
Công ty CP Học liệu EMCO	Tiền thuê mặt bằng, nhập sách	129.263.140	179.232.502
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	232.652.131.148	211.142.820.254
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Sách bộ trợ, sách tham khảo	401.262.260	372.485.200
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Mua bộ số sách thư viện	246.480.547	320.229.092
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bộ trợ, sách tham khảo	704.539.366	367.744.189
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	6.237.000	1.771.868.994
Công ty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bộ trợ, sách tham khảo, TBG	3.055.298.102	924.548.972
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.429.293.959	2.797.536.777
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.890.565.190	1.989.175.458
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa, sách tham khảo	746.243.744	3.112.403.914
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Tiền thuê mặt bằng, điện nước	295.524.229	668.084.353
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Sách giáo khoa	664.660.200	107.096.400
Bán hàng			
Công ty CP Học liệu EMCO	Cung ứng sách	1.282.632.791	5.690.364.459
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	291.266.970	1.205.437.699
Công ty CP Sách GD tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	3.282.594.889	5.908.034.080
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Bình Thuận	Cung ứng sách	12.522.490.663	9.265.516.842
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Cung ứng sách	14.040.225.647	9.510.244.437
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị GD	41.176.082.058	39.281.744.752
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị GD	4.221.975.333	6.022.257.512
Công ty CP Mỹ thuật Sao mai	Cung ứng sách, thiết bị GD	-	639.475.680
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng sách	1.311.778.520	531.468.789
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cung ứng sách	677.714.400	408.028.050
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng sách	3.538.334.021	2.815.100.958
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	3.716.507.568	3.372.646.612
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học Bến Tre	Cung ứng sách	7.443.723.120	8.233.601.393
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	6.748.134.202	6.604.276.790
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học Tiền Giang	Cung ứng sách	11.076.375.152	10.814.742.631
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	16.732.524.908	-
	Thu hồi tiền cho vay	-	33.350.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	16.732.524.908	-
	Phải thu khách hàng	172.118.519	-
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Phải thu khách hàng	425.509.339	-
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	446.064.281	1.951.959.903
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Phải thu khách hàng	463.460.125	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM	Phải thu khách hàng	176.255.490	2.250.236
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	29.705.704	463.578.992
Công ty CP Học liệu EMCO	Phải thu khách hàng	-	182.804.629
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Phải thu khách hàng	-	629.682.585
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	-	2.050.905.459
Ông Vũ Bá Hòa	Cho vay ngắn hạn	500.000.000	-
Phải trả			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ tức phải trả	2.808.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Học liệu EMCO	Cổ tức phải trả	126.000.000	52.500.000
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Người mua trả tiền trước	-	665.414.012
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	946.532.440	73.735.807
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Phải trả người bán	899.385.069	1.044.025.555
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Phải trả người bán	91.381.211	-
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Phải trả người bán	180.000.000	-
	Cổ tức phải trả	-	150.000.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	209.062.770	-
	Cổ tức phải trả	120.000.000	50.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	2.287.634.674	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	192.010.000	-
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải trả người bán	310.520.480	287.721.440
Công ty CP Sách Dân tộc	Phải trả người bán	164.760.874	-
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Phải trả người bán	154.562.665	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán	322.869.470	-
Công ty CP ĐT & PT Công nghệ Văn Lang	Phải trả người bán	96.000.000	-

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.


Tổng Giám đốc
[Signature]
Vũ Bá Hòa

Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Mai Hoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2013